

Lao động trẻ em và mối liên hệ với các yếu tố nhân khẩu học - xã hội

Trần Quý Long*

Nhận ngày 19 tháng 7 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Dựa trên việc phân tích số liệu của các nghiên cứu, khảo sát cấp quốc gia, bài viết cho thấy lao động trẻ em có mối quan hệ với các yếu tố đặc trưng cá nhân và gia đình của trẻ em. Theo đó, trẻ em trai, ở độ tuổi lớn hơn và dân tộc thiểu số có khả năng tham gia lao động trẻ em nhiều hơn. Học vấn bố mẹ và mức sống gia đình là hai yếu tố bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ tham gia vào lực lượng lao động trẻ em. Trẻ em ở khu vực nông thôn và ở những vùng khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội có tỷ lệ tham gia lao động trẻ em cao hơn. Để giảm thiểu và hạn chế nhu cầu lao động trẻ em, Nhà nước cần ban hành và thực thi các chính sách phù hợp, đặc biệt là chính sách về thị trường lao động và chính sách tiếp cận giáo dục.

Từ khóa: Trẻ em, lao động trẻ em, trẻ em lao động, phát triển trẻ em, bảo vệ trẻ em.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Based on the analysis of data of national-level studies and surveys, the article shows that child labour has a relationship with individual and family-specific factors of children. Accordingly, boys, at an older age, and children from ethnic minorities are more likely to participate in child labour. Parents' education and family living standards are the two factors that protect children from participating in the child labour force. Rural areas and areas with difficult socio-economic conditions have higher rates of the participation. In order to minimise and limit the need for child labour, the State needs to issue and implement appropriate policies, especially those on the labour market and on access to education.

Keywords: Children, child labour, working children, child development, child protection.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Trẻ em lao động bằng cách tham gia hoạt động kinh tế hoặc làm công việc giúp đỡ gia đình có thể xem như là một cách để xây dựng lòng tin và tự trọng cho tương lai của mình. Đây cũng được xem là một chuẩn mực của lòng hiếu thảo, là một phương thức gia tăng giá trị nhân cách, phản ánh sức mạnh của truyền thống đã bắt rễ sâu xa trong một nền văn hoá phương Đông (Trần Quý Long, 2009). Tuy nhiên, nếu trẻ em tham gia hoạt động kinh tế hoặc làm việc cho gia đình quá số thời gian quy định so với tuổi, thì sẽ là một vấn đề gây ra những tổn thương, bất bình đẳng, và hạn chế khả năng phát triển nguồn vốn con người của trẻ em. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), không bị gánh nặng lao động trẻ em có thể giúp trẻ em thụ hưởng đầy đủ các quyền về giáo dục, giải trí và phát triển lành mạnh, từ đó cung cấp nền tảng thiết yếu cho sự phát triển kinh tế và xã hội, xóa đói giảm nghèo và quyền con người (ILO, 2017). Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 37: “Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam đã quy định tại Điều 26: Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranquylong@gmail.com

lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Hội nghị toàn thể của ILO năm 1973 đã ban hành Công ước 138 về tuổi lao động tối thiểu nhằm mục đích xóa bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em - là những công việc gây nguy hiểm cho sức khỏe, an toàn hoặc đạo đức của trẻ em, ảnh hưởng đến giáo dục bắt buộc của trẻ em hoặc đơn giản những công việc mà trẻ em còn quá nhỏ, chưa thể làm được. Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên cam kết theo đuổi một chính sách quốc gia được xây dựng để bảo đảm việc xóa bỏ một cách hiệu quả tình trạng lao động trẻ em, và để nâng dần độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc hoặc được tham gia lao động tới độ tuổi mà thanh thiếu niên đạt được mức độ phát triển đầy đủ nhất về thể chất và trí lực (ILO, 1973). Có thể nói, việc ấn định độ tuổi tối thiểu là một yếu tố cần thiết để mang lại sự bảo vệ pháp lý quan trọng cho trẻ em.

Lao động trẻ em là một chỉ tiêu được tổng hợp dựa trên tính toán số lượng thời gian trẻ em tham gia hoạt động kinh tế hoặc làm việc nhà. Một trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế hoặc làm việc nhà nhiều hơn số giờ tương ứng với tuổi thì được xếp vào nhóm lao động trẻ em. Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018 xác định lao động trẻ em là trẻ em làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, những việc bị cấm theo quy định của pháp luật quốc gia, các hình thức lao động tồi tệ nhất theo Công ước 182 của Tổ chức Lao động quốc tế. Đồng thời căn cứ vào độ tuổi và thời gian làm việc để xác định lao động trẻ em như sau: Trẻ em từ 5 đến dưới 13 tuổi: Tham gia hoạt động kinh tế từ 1 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 5 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu đối với bất kỳ công việc và hoạt động kinh tế nào; Trẻ em từ 13 đến dưới 15 tuổi: Tham gia hoạt động kinh tế từ 4 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 20 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu; Trẻ em từ 15-17 tuổi: Tham gia hoạt động kinh tế từ 8 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 40 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021 (Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021) xác định lao động trẻ em cũng bằng cách sử dụng 3 ngưỡng về số giờ tham gia hoạt động kinh tế tương ứng với 3 nhóm tuổi. Một trẻ em tham gia các hoạt động kinh tế trong tuần trước điều tra nhiều hơn số giờ tương ứng với tuổi thì được xác định là lao động trẻ em, cụ thể: tham gia hoạt động kinh tế 1 giờ trở lên hoặc làm việc nhà 21 giờ trở lên đối với nhóm 5-11 tuổi; tham gia hoạt động kinh tế 14 giờ trở lên hoặc làm việc nhà 21 giờ trở lên đối với nhóm 12-14 tuổi; và tham gia hoạt động kinh tế 43 giờ trở lên hoặc làm việc nhà không giới hạn số giờ đối với nhóm 15-17 tuổi (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021).

2. Đặc điểm và thực trạng về lao động trẻ em

Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018 xác định 5,4% trong nhóm dân số từ 5-17 tuổi là lao động trẻ em, với 1.031.944 người (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Còn theo Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021, có 6,9% trẻ em từ 5-17 tuổi tham gia hoạt động kinh tế hoặc làm các công việc nhà vượt ngưỡng thời gian, và được coi là lao động trẻ em (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Theo điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018, 40,5% lao động trẻ em là lao động hộ gia đình, 31,8% lao động được trả công và 2,5% làm các công việc tự sản, tự tiêu. Xét theo khu vực kinh tế, hơn một nửa lao động trẻ em làm việc trong nhóm ngành nông nghiệp, với 53,6%; 23,7% làm việc trong nhóm ngành công nghiệp - xây dựng, và 21% còn lại làm việc trong nhóm ngành dịch vụ. Về địa điểm làm việc, 12,1% lao động trẻ em làm việc tại các trang trại, ruộng/vườn, 24,7% làm việc tại nhà, 12,2% làm việc tại các công trường xây dựng, 4,8% làm việc tại các nhà hàng, quán ăn, 8,0% làm việc lưu động, khoảng 2% làm việc cố định tại chợ hoặc trên phố. Đặc biệt, có khoảng 1,7% lao động trẻ em làm việc ở môi trường nước như sông, ao, hồ. Có 43,2%

lao động trẻ em làm việc từ 40 giờ trở lên một tuần, đây là mức thời gian làm việc ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe trẻ em. Tỷ lệ trẻ em làm việc từ 40 giờ trở lên một tuần không có sự khác biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái, và chiếm tỷ lệ cao nhất ở nhóm 15-17 tuổi - 58,7% (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Tỷ lệ lao động trẻ em làm việc hơn 42 giờ mỗi tuần ở thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt cao. Trong khi tỷ lệ này trên cả nước là một phần ba thì cứ năm lao động trẻ em thì có bốn em làm việc nhiều hơn 42 giờ mỗi tuần ở Thành phố Hồ Chí Minh (UNICEF, Ủy ban Nhân dân (UBND) thành phố Hồ Chí Minh, 2017).

Báo cáo phân tích tình hình trẻ em của một số tỉnh xác nhận có vấn đề lao động trẻ em đã tồn tại ở địa phương mình. Chẳng hạn, tỉnh Ninh Thuận có một số trẻ em kiếm tiền bằng những công việc như nấu cơm cho thủy thủ trên tàu, vá lưới và phân loại cá ở các khu vực ven biển. Một số trẻ em trai người Chăm bỏ học để đi kiếm sống bằng việc chăn bò, cừu cho các gia đình khác trong vùng (UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam, 2012). Các công việc của trẻ em ở tỉnh An Giang thường là gặt lúa hoặc chăn thả gia súc. Một số trẻ em bán vé số ở các khu thị trấn, thị tứ, các khu chợ gần trung tâm. Một số tham gia buôn bán hàng hóa qua biên giới và rất dễ bị tổn thương trước nhiều loại tệ nạn (Tỉnh An Giang, UNICEF Việt Nam, 2012). Một khảo sát ở hai xã thuộc huyện Sa Pa của tỉnh Lào Cai cho thấy, có 538 trẻ em lao động trong lĩnh vực nặng nhọc, chiếm 21,8% tổng số trẻ em từ 5-17 tuổi ở địa bàn (Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai, UNICEF Việt Nam, 2016). Nhiều trẻ em lứa tuổi vị thành niên ở Kon Tum nghỉ học vào cuối cấp trung học cơ sở để đi làm ở độ tuổi 16 (UBND tỉnh Kon Tum, UNICEF Việt Nam, 2015). Với tỷ lệ lao động trẻ em là 3,5% trong tổng dân số trẻ em, thành phố Hồ Chí Minh xếp thứ 10 trong cả nước về chỉ tiêu này. Lao động trẻ em ở thành phố Hồ Chí Minh thường khó được xác định do làm việc trong khu vực phi chính thức, các doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hay là người giúp việc gia đình, dùng chứng minh thư giả. Hậu quả là trẻ em dễ bị bóc lột và xâm hại mà không nhận được can thiệp kịp thời từ chính quyền (UNICEF, UBND thành phố Hồ Chí Minh, 2017). Một nghiên cứu định tính về ngành may mặc và giày dép ở thành phố Hồ Chí Minh cho biết, chính sách nghiêm ngặt về lao động trẻ em trong các khu vực chính thức đã đẩy trẻ em sang làm việc ở các nhà thầu phụ, các xưởng gia công tư nhân và gia đình ở các cấp thấp hơn trong chuỗi cung ứng may mặc và giày dép. Lao động trẻ em đang là vấn đề cấp bách tại những cơ sở này, nhiều trẻ vị thành niên di cư dưới 18 tuổi đã xin việc tại các nhà máy bằng cách dùng chứng minh thư giả (UNICEF Việt Nam, 2016).

3. Mối liên hệ giữa các yếu tố nhân khẩu học - xã hội và lao động trẻ em

3.1. Giới tính

Theo kết quả các cuộc điều tra khảo sát gần đây, có sự khác biệt giới tính trong vấn đề lao động trẻ em. Báo cáo phân tích tình hình trẻ em thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tỷ lệ tham gia lực lượng lao động trẻ em của trẻ em trai cao hơn trẻ em gái, 63% so với 47% (UNICEF, UBND thành phố Hồ Chí Minh, 2017). Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018 cho thấy kết quả tương tự, tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em trai là 59%, và của trẻ em gái là 41%. Tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em trai cao hơn trẻ em gái ở cả hai khu vực thành thị và nông thôn (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Một nghiên cứu phân tích số liệu Khảo sát Mức sống dân cư 2018 cho thấy, tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em trai cao hơn trẻ em gái (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2021). Lý giải tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em trai cao hơn, báo cáo phân tích tình hình trẻ em ở Ninh Thuận cho biết, tỷ lệ trẻ em trai tuổi trung học phổ thông bỏ học nhiều là do nhu cầu hoặc mong muốn đi kiếm việc làm được trả lương. Một số do đua đòi nên đi làm để có tiền tiêu xài, giải trí (UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam, 2012). Tỷ lệ bỏ học của trẻ em trai cao hơn trẻ em gái có thể là do áp lực kinh tế, xã hội đã bắt buộc các trẻ em trai phải nghỉ học để giúp gia đình hoặc tìm việc làm

kiếm tiền (UBND tỉnh Gia Lai, UNICEF Việt Nam, 2015). Áp lực kinh tế, xã hội nhiều hơn buộc các em trai phải nghỉ học để đi làm ở cuối cấp hai (UBND tỉnh Kon Tum, UNICEF Việt Nam, 2015). Một số trẻ em ở độ tuổi vị thành niên bỏ học để đi lao động kiếm tiền tại địa phương hoặc tới các khu đô thị và các tỉnh lân cận. Trên thực tế, có vẻ như tỷ lệ các em trai trung học phổ thông bỏ học nhiều là do nhu cầu hoặc mong muốn đi kiếm việc làm được trả lương (UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam, 2012). Việc thay đổi cơ hội việc làm, chẳng hạn như các dự án cơ sở hạ tầng và mở nhà máy mới, đặc biệt khuyến khích trẻ em trai nghỉ học để đi làm phụ giúp gia đình (Morrow, V., Boyden, J., 2018). Thêm vào đó, sự khác biệt về giới trong lao động việc làm đóng một vai trò quan trọng trong nhu cầu lao động cao hơn của trẻ em trai. Thị trường lao động có xu hướng tạo cơ hội làm việc cho lao động nam nhiều hơn. Mặt khác, trẻ em trai có cơ hội lớn hơn để gia nhập lực lượng lao động khi đã đến một độ tuổi nhất định, và cha mẹ cho con trai đi lao động nếu họ nghĩ rằng chi phí cơ hội đi học là cao hơn.

3.2. Tuổi

Tuổi của trẻ em có mối quan hệ rõ ràng với việc tham gia vào lực lượng lao động trẻ em. Theo đó, tuổi lớn hơn thì tỷ lệ tham gia lao động trẻ em cao hơn. Phân tích số liệu Khảo sát Mức sống dân cư 2018, một báo cáo cho biết trẻ em ở nhóm tuổi nhỏ nhất (6-12 tuổi) có tỷ lệ tham gia lao động trẻ em ít hơn nhiều so với nhóm 13-14 tuổi và 15 tuổi. Kết quả này cũng là điều đáng lưu ý vì trẻ trong độ tuổi từ 13 đến 15 vẫn là trong độ tuổi được khuyến khích đi học (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2021). Theo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018, lao động trẻ em tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi lớn nhất, 51,2% trẻ em trong nhóm 15-17 tuổi tham gia lao động, tiếp theo là nhóm 13-14 tuổi với tỷ lệ 18%. Đáng chú ý là có đến 30,8% lao động trẻ em thuộc nhóm tuổi 5-12 tuổi, là độ tuổi quá nhỏ để lao động với các công việc phù hợp với sức khỏe và học tập (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Kết quả phân tích cho thấy tầm quan trọng của biến số tuổi trong vấn đề lao động trẻ em. Một mặt, nó phản ánh khả năng tham gia lao động của trẻ em, mặt khác, làm nổi bật trẻ em là nguồn cung cấp lao động riêng cho hộ gia đình khi tuổi lớn hơn (Trần Quý Long, 2019a). Trẻ em ở nhóm tuổi nhỏ nhất tham gia lao động trẻ em cho thấy vấn đề đáng quan ngại và thách thức do nhóm tuổi này còn nhỏ và đang trong độ tuổi đi học ở bậc tiểu học, là bậc học bắt buộc phổ cập theo Luật Giáo dục. Việc giảm thiểu và loại trừ lao động trẻ em ở những độ tuổi còn nhỏ là điều hết sức cần thiết, bởi vì đây là nhóm trẻ em đặc biệt dễ bị tổn thương với “gánh nặng kép”. Lao động với thời gian vượt quá ngưỡng so với tuổi ở những độ tuổi còn rất nhỏ gây nhiều bất lợi về sức khỏe, sự sung mãn cũng như tinh thần cho trẻ em khi trưởng thành (Trần Quý Long, 2019b).

3.3. Thành phần dân tộc

Lao động trẻ em ở dân tộc thiểu số có tỷ lệ cao hơn so với người Kinh. Điều này được khẳng định qua các cuộc khảo sát. Theo số liệu Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021, tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm dân tộc Mông là 25,5%, ở nhóm Tày, Thái, Mường, Nùng là 13% và ở nhóm Khmer là 13%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm dân tộc Kinh/ Hoa là 5,4% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Phân tích số liệu Khảo sát Mức sống dân cư 2018 cho thấy, chỉ số lao động trẻ em ở nhóm trẻ dân tộc thiểu số có tỷ lệ lên đến 5,3%, gấp hơn 5 lần so với tỷ lệ của nhóm trẻ em dân tộc Kinh/ Hoa. Tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm dân tộc thiểu số cao hơn nhóm dân tộc Kinh ở cả 3 nhóm tuổi, trong đó chênh lệch lớn nhất ở nhóm 13-14 tuổi - 19,3 điểm phần trăm (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2021).

Có thể thấy, sự khác nhau trong tỷ lệ lao động trẻ em làm nổi bật địa vị bất lợi của trẻ em dân tộc thiểu số so với dân tộc Kinh. Trẻ em ở gia đình dân tộc thiểu số thường gặp những khó khăn về kinh tế, nên bị dồn đẩy vào sự tham gia lao động sớm hơn trẻ em người Kinh. Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tỉnh An Giang cho biết, nhiều trẻ em người Khmer phải phụ giúp bố mẹ trong các công việc

làm thuê nông nghiệp lấy tiền, một số trẻ em đã bắt đầu làm việc từ lúc 6 hoặc 7 tuổi (Tỉnh An Giang, UNICEF Việt Nam, 2012). Nghiên cứu “Những cuộc đời trẻ thơ” cho thấy, ở một cộng đồng miền núi ven biển Nam Trung Bộ, trẻ em người Chăm H’roi ngay từ nhỏ đã làm việc trong các trang trại gia đình. Một thiếu nữ 16 tuổi trong nghiên cứu này cho biết: cô chăn gia súc, hái rau cho lợn, cày ruộng, nấu ăn, tắm rửa cho em gái và đi chợ. Cô đã rời trường học năm 10 tuổi và đến năm 16 tuổi không còn biết đọc biết viết nữa (Morrow, V., Boyden, J., 2018). Tỷ lệ lao động trẻ em ở dân tộc thiểu số cao hơn so với dân tộc Kinh có thể xuất phát từ những khác biệt về địa lý, chuẩn mực văn hóa, phong tục, tập quán, và cùng với đó là mối quan tâm gìn giữ phương thức sản xuất đã duy trì thái độ riêng biệt đối với vấn đề lao động trẻ em. Những nguyên nhân khác mang tính chất đặc thù và được tích hợp trong đặc trưng của trẻ em dân tộc thiểu số cũng cần phải được nhắc đến trong vấn đề lao động trẻ em, như nghèo đói, nhận thức và cấu trúc xã hội (Trần Quý Long, 2019b). Trẻ em người dân tộc thiểu số có xu hướng tham gia công việc gia đình rất sớm do đời sống kinh tế quá thấp, nhu cầu lao động trong gia đình rất lớn. Ngoài giờ học ở trường, các em phải dành nhiều thời gian giúp đỡ gia đình. Sự phân công lao động mang tính tự nhiên, phù hợp với giới tính và lứa tuổi (Lâm Bá Nam, Nguyễn Hồng Quang, 2001). Hầu hết người dân tộc thiểu số sinh sống ở các vùng nông thôn tương đối sâu và xa, rất ít người tìm được việc làm trong các ngành công nghiệp và ở vùng đô thị. Trẻ em phải tham gia vào những công việc đồng áng để đủ sống về cơ bản, vì rất nhiều bậc cha mẹ không thấy được giá trị của giáo dục trên mức biết đọc và biết viết (Geoffrey B. Hainsworth, 2001).

3.4. Tham gia học tập

Việc đang đi học hay không có mối quan hệ chặt chẽ với tình trạng lao động trẻ em. Theo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018, 50% trong tổng số 1,03 triệu lao động trẻ em đang đi học, 48,6% đã thôi học và 1,4% chưa bao giờ đi học (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Kết quả Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 cho biết, trẻ em đang đi học tham gia lực lượng lao động trẻ em với tỷ lệ 5,7%, tỷ lệ này ở nhóm không còn đi học cao hơn khoảng 30 điểm phần trăm, với 26,2% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014 cũng cho kết quả tương tự, 13,6% trẻ em đang đi học và 50% trẻ em không đi học tham gia vào lực lượng lao động trẻ em (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015).

Số liệu các cuộc khảo sát cho thấy một số trẻ em đang đi học nhưng vẫn phải tham gia lực lượng lao động trẻ em là vấn đề rất đáng chú ý. Có một tỷ lệ nhất định trẻ em tham gia lực lượng lao động trẻ em trong khi đang đi học sẽ có tác hại to lớn đến kết quả học tập, vì tập trung vào lao động sẽ khiến trẻ em không học được gì đáng kể ở nhà trường. Lao động trẻ em sẽ dẫn đến việc trẻ em bỏ học quá sớm và phải trả giá đắt qua năng suất thấp trong tương lai. Thiếu tích lũy kỹ năng sẽ làm cho một cá nhân khó có thể thoát nghèo đói khi trưởng thành (Ngân hàng Thế giới, 2007). Việc trẻ em tham gia lực lượng lao động trẻ em có xu hướng khiến cho các em có thành tích học tập kém và dễ bị tụt hậu so với các bạn đồng trang lứa không lao động trong quá trình học tập (ILO, 2017).

Đi học ở trường sẽ giúp loại bỏ trẻ em khỏi lao động trẻ em ít nhất là một phần trong ngày và giúp trẻ em có được các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho một công việc tốt và rộng hơn là cho sức khỏe và việc hoàn thành các mục tiêu cuộc sống (ILO, 2017). Việc đi học đem lại cho trẻ em một loạt hoạt động và vai trò mới chiếm nhiều thời gian, dẫn đến việc các em sẽ tham gia lao động ít hơn (Trần Quý Long, 2018). Tuy nhiên, nỗ lực giải quyết vấn đề lao động trẻ em vấp phải những khó khăn từ việc thiếu hụt cơ hội học tập và đào tạo kỹ năng, đào tạo nghề cho trẻ em. Chương trình học chủ yếu tập trung vào kiến thức lý thuyết, thiếu các hoạt động phát triển kỹ năng nghề và phát triển nghề nghiệp, dẫn đến việc trẻ em bỏ học sớm để đi làm với mức lương thấp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UNICEF, 2017). Nếu trẻ em bị hệ thống giáo dục từ chối hoặc việc đi học bị cản trở thì khi

bước vào tuổi lao động, các em sẽ thiếu những kỹ năng cơ bản cần thiết để kiếm được việc làm, dễ bị thất nghiệp hơn hoặc làm những công việc không an toàn, được trả lương thấp trong điều kiện nguy hiểm. Vì thế, nỗ lực mở rộng tiếp cận giáo dục chất lượng tốt cho tất cả trẻ em dưới độ tuổi lao động tối thiểu là một việc làm quan trọng và hết sức có ý nghĩa.

3.5. Học vấn bố mẹ

Học vấn của người mẹ và tỷ lệ lao động trẻ em có mối quan hệ nghịch biến. Nghĩa là trẻ em ở nhóm người mẹ có học vấn cao hơn có tỷ lệ lao động trẻ em thấp hơn. Theo số liệu Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021, nếu như lao động trẻ em ở nhóm người mẹ không có bằng cấp là 22,8% thì tỷ lệ này giảm xuống ở mức 3,9% ở nhóm người mẹ có trình độ học vấn trung học phổ thông và chỉ còn 3,1% ở nhóm người mẹ có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Số liệu khảo sát 2014 cũng cho kết quả tương tự, tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm người mẹ không có bằng cấp cao nhất, với 47,8%, ở nhóm người mẹ có trình độ học vấn trung học cơ sở là 14%, và chỉ có 4,1% ở nhóm người mẹ có trình độ học vấn từ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng trở lên (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2015). Một nghiên cứu cho biết, mối quan hệ giữa học vấn người mẹ và khả năng trẻ em thuộc vào nhóm lao động trẻ em là mối quan hệ trực tiếp và nhân quả (Trần Quý Long, 2019a). Các bậc bố mẹ có học vấn cao hơn có khả năng am hiểu các nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em hơn, trong đó có vấn đề lao động trẻ em. Họ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định nhu cầu của gia đình và tinh thần trách nhiệm của con cái, và có khả năng hơn trong việc giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em cho con cái (Trần Quý Long, 2019b).

3.6. Mức sống

Theo Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021, tỷ lệ lao động trẻ em ở hộ gia đình có mức sống nghèo nhất là 13,8% tỷ lệ này giảm xuống ở mức 5,7% trong gia đình có mức sống trung bình, và chỉ còn 2,8% ở gia đình có mức sống giàu nhất (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). So với hộ gia đình có mức sống nghèo nhất, trẻ em trong hộ gia đình có mức sống cao nhất có xác suất lao động trẻ em thấp hơn. Mặc dù có một bộ phận trẻ em thuộc các hộ khá giàu cũng rơi vào tình trạng lao động trẻ em, nhưng số liệu phân tích chỉ ra rằng, trẻ em phải tham gia lao động đóng góp thu nhập và làm các công việc nhà cho gia đình vượt quá ngưỡng quy định theo tuổi ít hơn ở gia đình có mức sống cao hơn (Trần Quý Long, 2019a). Kết quả khảo sát của nghiên cứu “Những cuộc đời trẻ thơ” cho thấy rằng, trẻ em thuộc các gia đình nghèo có nhiều khả năng phải lao động hơn các em thuộc gia đình không nghèo (Morrow, V., Boyden, J., 2018). Rất nhiều em tham gia lao động do hoàn cảnh gia đình bắt buộc, đặc biệt là trẻ em trong các gia đình nghèo không có sinh kế ổn định (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UNICEF, 2017).

Theo các nghiên cứu, mức sống gia đình có ảnh hưởng đến việc trẻ em trở thành lao động trẻ em, những hộ gia đình nghèo cần trẻ em làm việc để phát sinh thu nhập. Có khả năng xảy ra là các gia đình nghèo tận dụng sức lao động của con em mình (Indu Bhushan và đồng nghiệp, 2001). Những tầng lớp xã hội rất nghèo là những tầng lớp thiếu công cụ sản xuất và chỉ nhờ đến sức lao động của chính mình để đảm bảo thu nhập, nên ưu tiên của các thành viên của nhóm này là kiếm sống hàng ngày chứ không phải là vấn đề đi học của con em (Nolwen Henaff, Jean-Yves Martin, 2001). Trong khi đó, các hộ gia đình khá giả quan tâm nhiều hơn đến việc học hành của con cái và có xu hướng không muốn cho con mình tham gia vào lực lượng lao động cho đến khi các em lớn hẳn (Dominique Houghton và đồng nghiệp, 2001). Họ cho rằng sức lao động của thanh thiếu niên có giá trị hơn nhiều so với việc để các em tới trường. Lợi ích dài hạn của giáo dục không thể bù đắp được những tổn thất về thu nhập trong ngắn hạn đối với rất nhiều hộ nghèo (ADB và các cơ quan khác, 2003). Những hộ

gia đình nghèo nhất không thể đáp ứng những nhu cầu tiêu dùng hiện tại nếu không có nguồn thu nhập do lao động trẻ em mang lại, vì vậy học vấn của trẻ em và triển vọng thoát nghèo phải nhường chỗ cho sự tồn tại trước mắt (World Bank, 2006). Nghiên cứu của Jackline Wahba (2006) nhận xét rằng, trình độ học vấn thấp ở các nước đang phát triển thường liên quan đến mức độ lao động trẻ em cao. Những gia đình rất nghèo có con ở tuổi đi học không đủ khả năng từ bỏ thu nhập mà những đứa trẻ này có thể mang về nhà (Jackline Wahba, 2006). Giáo dục chịu chi phí cơ hội ở các gia đình nghèo, vì trẻ em đi học thay vì đóng góp vào thu nhập hộ gia đình. Chi phí cơ hội này tăng lên khi trẻ lớn hơn và có thể kiếm được tiền lương cao hơn, do đó làm tăng áp lực cho những người trẻ này bỏ học (Frances Hunt, 2008). Các hộ gia đình có mức sống nghèo thường ít có khả năng tạo ra nguồn lực cho chính mình, vì vậy lại làm tăng khả năng huy động trẻ em tham gia lao động (Trần Quý Long, 2019a).

3.7. Thành thị - nông thôn

Kết quả từ các cuộc khảo sát cho thấy, khu vực nông thôn luôn có tỷ lệ lao động trẻ em cao hơn so với khu vực thành thị. Theo Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018, có 84% trong tổng số lao động trẻ em sinh sống ở khu vực nông thôn và 16% sinh sống ở khu vực thành thị. Tỷ lệ lao động trẻ em ở khu vực nông thôn là 6,6%, còn ở khu vực thành thị là 2,6%. Bên cạnh đó, có thể thấy rằng trẻ em khu vực nông thôn phải tham gia lao động sớm hơn so với trẻ em khu vực thành thị, khi tỷ lệ lao động trẻ em ở các nhóm tuổi 5-12 và 13-14 ở khu vực nông thôn đều cao hơn khu vực thành thị (ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, 2020). Một nghiên cứu phân tích số liệu Khảo sát Mức sống dân cư 2018 cho thấy, tỷ lệ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em nông thôn là 2,4%, còn ở nhóm trẻ em thành thị là 0,5% (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2021). Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 cũng cho thấy, tỷ lệ lao động trẻ em ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị gần 4 điểm phần trăm, 8,1% so với 4,6% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Theo báo cáo phân tích tình hình trẻ em ở Gia Lai, có một lượng tương đối lớn dân số tham gia lao động khi còn ít tuổi trên các địa bàn nông thôn của tỉnh, hoặc làm cho các trang trại của gia đình hoặc đi làm thuê được trả công bên ngoài (UBND tỉnh Gia Lai, UNICEF Việt Nam, 2015). Ở khu vực nông thôn vùng đồng bằng tỉnh Ninh Thuận, thông thường trẻ em phải nghỉ học để phụ giúp gia đình vào các thời điểm thu hoạch mùa màng. Trên các khu vực vùng cao như vùng của người Raglay, trẻ em nam thường được giao việc trông nom gia súc. Trong khi trẻ em gái được giao đi lấy nước, kiếm củi hoặc phụ giúp việc nhà. Tùy theo tình hình lao động của các hộ, việc phải tham gia phụ giúp việc nhà khiến trẻ em có thể nghỉ học tạm thời hoặc phải bỏ học để giúp gia đình (UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam, 2012).

Các nghiên cứu lý giải việc trẻ em ở khu vực nông thôn tham gia lao động trẻ em cao hơn khu vực thành thị là do trẻ em ở các vùng nông thôn Việt Nam thường có những đóng góp cho gia đình bằng việc lao động tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhu cầu về lao động trẻ em ở nông thôn cũng lớn hơn so với thành thị - giúp trông nom gia súc hoặc làm những việc vặt trong nhà. Điều này còn hàm ý rằng, trẻ em ở khu vực thành thị thường được yêu cầu tập trung cho việc học tập hơn, mặt khác, cũng thể hiện ở khu vực nông thôn sẵn có việc làm hơn (Trần Quý Long, 2019a). Trẻ em nông thôn có thể đóng một vai trò quan trọng trong kinh tế gia đình và khi thời gian của một đứa trẻ có ý nghĩa quan trọng đối với gia đình, việc đi học của trẻ em có thêm “chi phí cơ hội” (Nguyễn Đức Truyền, Trần Thị Thái Hà, 2014). Do thu nhập hộ gia đình ở khu vực nông thôn thấp hơn khu vực thành thị, nên trẻ em phải tham gia các hoạt động kinh tế để phụ giúp nhằm nâng cao thu nhập hộ gia đình. Thêm vào đó, kinh tế nông thôn chủ yếu là các hình thức kinh tế hộ gia đình, khu vực kinh tế nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, là những hình thức và khu vực mà trẻ em dễ dàng tham gia (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO, 2014).

3.8. Vùng

Có sự khác biệt giữa các vùng trong lĩnh vực lao động trẻ em. Theo Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021, vùng Tây Nguyên và vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ lao động trẻ em cao nhất, 13,8% và 10,1%, và thấp nhất là vùng Đồng bằng sông Hồng, 3,2% (Tổng cục Thống kê và UNICEF, 2021). Tương tự, số liệu khảo sát Mức sống dân cư 2018 cũng cho thấy hai vùng có tỷ lệ lao động trẻ em cao nhất là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, lần lượt là 3,7% và 2,6% (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2021). Mối liên hệ giữa yếu tố vùng với vấn đề lao động trẻ em không chỉ phản ánh các điều kiện địa lý - tự nhiên, mà còn phản ánh cơ cấu kinh tế - xã hội, hệ thống giáo dục và thái độ đối với việc tham gia lao động của trẻ em (Trần Quý Long, 2019a).

4. Kết luận

Việc phân tích kết quả các cuộc điều tra, khảo sát cấp quốc gia cho thấy: lao động trẻ em là một thực tế hiện hữu và chịu ảnh hưởng của một số đặc trưng nhân khẩu học - xã hội cá nhân và các đặc điểm gia đình. Chỉ báo lao động trẻ em được phân tích trong mối quan hệ với các đặc trưng nhân khẩu học - xã hội của trẻ em và các đặc điểm của hộ gia đình nhằm cung cấp thông tin về các đặc điểm, thực trạng cũng như những yếu tố tiềm năng dự báo tình trạng lao động trẻ em. Kết quả phân tích cho thấy, tỷ lệ lao động trẻ em cao hơn ở nhóm trẻ em trai và trẻ em thuộc nhóm yếu thế, như người dân tộc thiểu số, bố mẹ có học vấn thấp, nghèo, sống ở nông thôn và vùng sâu, vùng xa.

Lao động trẻ em là một yếu tố tác động đến phát triển con người và việc loại trừ lao động trẻ em sẽ góp phần giảm thiểu bất bình đẳng được truyền nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Việc đạt được các mục tiêu quốc gia về phát triển chất lượng dân số, nguồn nhân lực rõ ràng phụ thuộc vào năng lực của Nhà nước trong việc làm giảm những bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội trong vấn đề lao động trẻ em. Tiến bộ cần thiết phải đạt được là những cải thiện về việc loại trừ lao động trẻ em ở nhóm trẻ em yếu thế, dễ bị tổn thương (dân tộc thiểu số, nghèo, địa vị kinh tế - xã hội thấp; cư trú ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa). Để loại trừ vấn đề lao động trẻ em, các chính sách về thị trường lao động cần được thiết kế phù hợp và đảm bảo có được công việc tốt khi trưởng thành có thể giúp kiềm chế nhu cầu lao động trẻ em. Cần ban hành và thực thi các chính sách bảo trợ xã hội phù hợp có thể giúp ngăn chặn các hộ gia đình phải dựa vào lao động trẻ em như một chiến lược đối phó với khó khăn (Trần Quý Long, 2019b). Bên cạnh đó, cần phải thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu: “Phấn đấu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,9%” theo Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Tài liệu tham khảo

1. ADB và các cơ quan khác (2003), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2004: Nghèo*, Báo cáo chung của các nhà tài trợ, Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO (2014), *Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2012 - Các kết quả chính*, Hà Nội.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UNICEF (2017), *Báo cáo Phân tích tình hình Trẻ em Việt Nam 2016*, UNICEF Việt Nam, Hà Nội.
4. Dominique Houghton, Jonathan Houghton, Nguyễn Phong (2001), *Mức sống trong thời kỳ bùng nổ kinh tế Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Geoffrey B. Hainsworth (2001), “Phát triển nguồn nhân lực: đáp ứng với những thách thức của quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ và một “nền kinh tế dựa trên những hiểu biết mới””, Nolwen Henaff, Jean-Yves Martin (Biên tập khoa học), *Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm Đổi mới*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

6. ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam (2020), *Điều tra quốc gia về lao động trẻ em: Các kết quả chính, Tổ chức Lao động quốc tế*, Geneva.
7. Indu Bhushan, Erik Bloom, Nguyễn Minh Thắng, Nguyễn Hải Hữu (2001), *Vốn nhân lực của người nghèo ở Việt Nam: Tình hình và các lựa chọn về chính sách*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
8. Trần Quý Long (2009), “Trẻ em và sự tham gia lao động đóng góp thu nhập cho gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4.
9. Trần Quý Long (2018), “Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận giáo dục trung học của trẻ em Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
10. Trần Quý Long (2019a), “Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng lao động trẻ em Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 2(101).
11. Trần Quý Long (2019b), *Những nghiên cứu xã hội học về trẻ em Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Lâm Bá Nam, Nguyễn Hồng Quang (2001), *Trẻ em và gia đình các dân tộc thiểu số ở Việt Nam - Thực trạng và nhu cầu trợ giúp (Nghiên cứu trường hợp 10 nhóm dân tộc thiểu số)*, DRCC, CEMMA, UNICEF, Hà Nội.
13. Ngân hàng Thế giới (2007), *Báo cáo phát triển thế giới 2007: Phát triển và thể hệ kế cận*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Nolwen Henaff, Jean-Yves Martin (2001), “Tổ chức lại nền kinh tế và cơ cấu lại xã hội”, Nolwen Henaff, Jean-Yves Martin (Biên tập khoa học), *Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm Đổi mới*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
15. Tỉnh An Giang, UNICEF Việt Nam (2012), *Phân tích tình hình trẻ em ở An Giang*.
16. Tổng cục Thống kê, UNICEF (2021), *Thực trạng và xu hướng nghèo đa chiều trẻ em ở Việt Nam*, Hà Nội.
17. Tổng cục Thống kê và UNICEF (2021), *Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021*, Báo cáo kết quả điều tra, Tổng cục Thống kê, Hà Nội.
18. Tổng cục Thống kê và UNICEF (2015), *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014*, Báo cáo cuối cùng, Hà Nội.
19. Nguyễn Đức Truyền, Trần Thị Thái Hà (2014), “Xu hướng biến đổi giáo dục của hộ gia đình nông thôn trong thời kỳ đổi mới”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
20. UBND tỉnh Gia Lai, UNICEF Việt Nam (2015), *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Gia Lai*.
21. UBND tỉnh Kon Tum, UNICEF Việt Nam (2015), *Phân tích tình hình trẻ em và phụ nữ tỉnh Kon Tum*.
22. UBND tỉnh Ninh Thuận, UNICEF Việt Nam (2012), *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Ninh Thuận*.
23. UBND tỉnh Lào Cai, UNICEF Việt Nam (2016), *Phân tích tình hình trẻ em tỉnh Lào Cai*, Hà Nội.
24. UNICEF Việt Nam (2016), *Tác động của ngành may mặc và giày dép đến trẻ em Việt Nam*.
25. UNICEF, UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Phân tích tình hình trẻ em thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam năm 2017*.
26. Frances Hunt (2008), *Dropping out from school: A cross country review of literature*, Research Monograph No.16, Centre for International Education, Sussex School of Education, University of Sussex, Brighton, United Kingdom.
27. ILO (1973), *C138 - Minimum Age Convention*, International Labour Organisation, Geneva.
28. ILO (2017), *Global estimates of child labour: Results and trends, 2012-2016*, International Labour Organization, Geneva.
29. Jackline Wahba (2006), “The influence of market wages and parental history on child labour and schooling in Egypt”, *Journal of Population Economics*, Vol. 19.
30. Morrow, V., Boyden, J. (2018), *Responding to children’s work: Evidence from the Young Lives study in Ethiopia, India, Peru and Vietnam*, Summative Report, Oxford: Young Lives.
31. World Bank (2006), *Development and the next generation*, The World Bank, Washington, D.C.